TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/DS-PT
Ngày: 19 – 01 – 2018
V/v kiện tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Dụ.

Ông Lương Văn Can.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình: Ông Trần Mỹ Sơn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2017/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc kiện tranh chấp quyền sử dụng đất. Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST, ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2017/QĐ-PT ngày 12/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ông Phạm Văn M**, sinh năm 1957. Địa chỉ: Tiểu khu 14, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- *Bị đơn*: **Ông Phạm Văn Q**, sinh năm 1954. Địa chỉ: Xóm L, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Nguyễn Văn Th – Công ty luật TNHH Huy Th – Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Phạm Thị Q, sinh năm 1955 (vợ ông Q). Có mặt.

Chị Phạm Thị H, sinh năm 1986 (con ông Q). Vắng mặt.

Anh Phạm Văn Tr, sinh năm 1980 (con ông Q). Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Xóm L, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Bà Trần Thị T, sinh năm 1958 (vợ ông M). Địa chỉ: Tiểu khu 14, Thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Q, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn Tr là ông Phạm Văn Q theo văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 11 năm 2015.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T là ông Phạm Văn M theo văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 01 năm 2018.

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Văn Q, là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 04 năm 2004; đơn khởi kiện bổ sung và quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm nguyên đơn ông Phạm Văn M trình bày:* Cuối năm 1986 ông mua của vợ chồng ông Phạm Văn Q diện tích đất 2.080m^2 ở xóm L, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình, ông đã trả đủ số tiền mua đất là 15.000 đồng cho ông Q, còn diện tích 88 m^2 do ông khai hoang. Đến năm 1998 nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu các hộ gia đình trên địa bàn xã L kê khai nên ông đã làm hồ sơ kê khai để xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số diện tích đất trên. Cùng thời gian này Hội đồng đăng ký đất đã đi thẩm tra đất của gia đình ông, do lúc đó ông bận nên ông Q thay ông chỉ vị trí các thửa đất mà ông kê khai. Đến năm 1999 ông được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất 2.080m^2 mà ông mua của ông Q. Số đất này được tách thành hai thửa: Thửa 240, diện tích: 976m^2 (Trong đó 400m^2 đất ở và 576m^2 đất vườn), thửa 273, diện tích: 1.104m^2 đất vườn và thửa đất 173, diện tích 88m^2 (đất vườn) là đất ông khai hoang. Đến năm 2003 ông Q tự ý rào toàn bộ đường đi vào thửa đất 240 và tranh chấp một phần diện tích đất trong thửa 240 về hướng đông bắc khoảng 50m^2 và hướng đông nam khoảng 10m^2. Ông Q đã xây tường bao, chặt cây cối trên diện tích đất tranh chấp, lúc đầu ông Q chỉ tranh chấp một phần diện tích đất trên, nhưng sau đó ông Q cho rằng toàn bộ diện tích đất mà ông M đã được cấp GCNQSDĐ ở các thửa: Thửa 240 có diện tích: 976m^2, thửa 273 có diện tích: 1.104m^2 và thửa đất 173 có diện tích 88m^2 là đất của gia đình ông Q nên đã tranh chấp toàn bộ diện tích đất này. Ông Q tiếp tục chặt phá cây, san ủi mặt bằng, xây một phần tường bao, làm nhà chắn đường đi vào thửa đất 240, trồng một số cây cối trên thửa đất 240.

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Q phải trả lại cho gia đình ông 03 thửa đất gồm các thửa 240,diện tích: 976m^2 (Trong đó 400m^2 đất ở và 576m^2 đất vườn), thửa 273 có diện tích 1.104m^2 đất vườn và thửa 173 có diện tích 88m^2 đất vườn; giải quyết đường đi, nhà chắn trước đường đi vào thửa 240; bồi thường thiệt hại cây cối trên thửa đất 240 do ông Q chặt phá trị giá là 33.400.000 đồng; san lấp trả lại mặt bằng diện tích thửa đất 240, 273 và tháo dỡ tường bao, di chuyển toàn bộ cây cối ông Q đã xây và trồng trên thửa đất 240.

** Quá trình giải quyết vụ án tại biên bản lấy lời khai, bản tự khai, biên bản hòa giải ông Phạm Văn Q trình bày*: Năm 1986 ông có cho ông Phạm Văn M ở nhờ trên đất nhà ông một thời gian ngắn. Đến năm 1996 ông M có nhu cầu mua đất ở nên ông đã đồng ý bán cho ông M diện tích đất khoảng 2.168m^2 xóm L, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình (lúc đó đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) với giá là 5.000.000 đồng. Đến năm 1999 ông M được UBND huyện L cấp giấy CNQSDĐ thành 03 thửa: Thửa 240 có diện tích 976m^2 (Trong đó 400m^2 đất ở và 576m^2 (đất vườn), thửa 273 có diện tích 1.104m^2 đất vườn và thửa 173 có diện tích 88m^2 (đất vườn). Tuy nhiên việc mua bán đất ông M chưa trả tiền cho ông mà tự ý làm giấy CNQSDĐ không theo trình tự pháp luật.

Nay ông khẳng định 03 thửa đất: Thửa 240: diện tích 976m^2 (trong đó 400m^2 đất ở và 576m^2 đất vườn), thửa 273 có diện tích 1.104m^2 (đất vườn) và thửa 173 có diện tích 88m^2 (đất vườn) vẫn thuộc quyền sử dụng của ông. Phần tường bao và các cây cối trồng trên thửa đất 240 thuộc quyền sở hữu của ông, ông M yêu cầu ông trả lại 03 thửa đất và các yêu cầu khác ông không nhất trí.

Bản án sơ thẩm số 03/2017/DS - ST ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L xử: Áp dụng khoản 9 điều 26, khoản 1 điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 224 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Luật đất dai năm 2013, Điều 255; 259 Bộ luật dân sự năm 2005, khoản 2 điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án số 10/2009/ PL – UBTV QH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn M . Buộc ông Phạm Văn Q phải trả lại 03 thửa đất gồm: Thửa 240, diện tích: 976m^2 (Trong đó 400m^2 đất ở và 576m^2 đất vườn), Thửa 273: Diện tích: 1.104m^2 đất vườn và thửa 173 diện tích: đất 88m^2 đất vườn tờ bản đồ 119D tại xóm L, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình cho ông Phạm Văn M.

- Về tài sản trên đất: Buộc ông Phạm Văn Q phải tháo dỡ tường bao và di dời toàn bộ cây cối trên thửa đất 240 của ông Phạm Văn M để trả lại đất cho ông Phạm Văn M.

- Đình chỉ các yêu cầu của nguyên đơn Phạm Văn M về yêu cầu ông Q phải bồi thường cấy cối hoa màu trên thửa đất 240 do ông Q chặt phá gây thiệt

hại số tiền là 33.400.000đồng; Yêu cầu giải quyết đường đi; Yêu câu tháo dỡ nhà làm trên đất chắn trên đất đường đi; Yêu cầu phải san lấp trả lại mặt bằng diện tích đất thửa 273 và thửa 240 do ông Q gây ra.

- Về án phí: Ông Phạm Văn Q phải nộp 33.480.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại ông Phạm Văn M 16.050.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số số 900335 ngày 08/4/2004, biên lai số 0002186 ngày 14/3/2017 của Chi cục THADS huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hiệu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, bị đơn ông Phạm Văn Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 03 /2017/DS - ST ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Văn Q giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn trình bày: Tòa án nhân dân huyện L trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án có quá nhiều vi phạm thủ tụng tố tụng, từ khi thụ lý qua rất nhiều Thẩm phán giải quyết, song trong hồ sơ không có quyết định phân công hoặc thay đổi Thẩm phán. Nội dung đơn không phải là đơn khởi kiện mà là đơn đề nghị, song Tòa án sơ thẩm vẫn thụ lý, tiếp đó nguyên đơn có bổ sung đơn khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm không ra thông báo thụ lý, thông báo nộp tiền tạm ứng án phí sai tên người phải nộp, không xác định tài sản tranh chấp có giá ngạch và xác định sai tư cách tố tụng. Mặt khác ông M khai đất do khai hoang không đúng, thực tế nguồn gốc sử dụng đất của ông Phạm Văn Q là mua lại của những người khác và đã sử dụng từ lâu. Từ đó luật sư đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến*. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo nằm trong hạn luật định nên được chấp nhận. Các ý kiến Luật sư đưa ra đại diện Viện kiểm sát cho rằng, các thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm, Viện kiểm sát sẽ có văn bản kiến nghị với Tòa án huyện L. Tuy nhiên, các thiếu sót này không làm thay đổi bản chất vụ án và ảnh hưởng đến nội dung và kết quả giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 điều 308 BLTTDS, bác kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn Q, sửa lại phần tính án phí của Tòa án cấp sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Ông Phạm Văn M có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện L yêu cầu giải quyết việc tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Phạm Văn Q là bị đơn có địa chỉ tại xã L, huyện L. Đây là tranh chấp đất đai theo quy định khoản 9, Điều 26 ; Khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình giải quyết vụ án là đúng theo quy định pháp luật.

Văn bản ủy quyền của bà Phạm Thị Q, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn Tr cho ông Phạm Văn Q và văn bản ủy quyền của bà Trần Thị T cho ông Phạm Văn M đều đúng quy định pháp luật.

[2] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Phạm Văn M khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn Q phải trả cho ông đất. Thửa đất tranh chấp ông M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tranh chấp đất đai quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 là đúng pháp luật.

Về nội dung kháng cáo:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn Q kháng cáo toàn bộ bản án.

1.1. Toàn bộ diện tích đất tranh chấp là do ông M mua của ông, không có phần đất ông M khai hoang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông M là không đúng. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thấy rằng:

Nguồn gốc các thửa đất tranh chấp: Thửa 240 diện tích: 976m^2; Thửa 273 diện tích: 1.104m^2 ông M mua của ông Q từ năm 1986, còn thửa đất 173, diện tích 88m^2 do ông khai hoang. Ông Q cho rằng đã bán diện tích này cho ông M từ năm 1996, ông M chưa trả tiền mua đất. Đến năm 1998 ông M đã kê khai xin cấp chứng nhận quyền sử dụng đất của toàn bộ 3 thửa đất trên. Hội đồng đăng ký đất xã L tiến hành thẩm tra theo đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ông M đã kê khai trên. Ông Q cũng thừa nhận là người trực tiếp cùng với đoàn thẩm tra xác định vị trí, gianh giới đất thay cho ông M. Trước đó, vào năm 1997 ông Q cũng đã kê khai xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ với phần đất của mình. Do vậy ngày 24/3/1999 Hội đồng đăng ký đất xã L đã tiến hành niêm yết công khai hồ sơ đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ gia đình, trong đó có hộ gia đình ông Q và ông M. Ngày 10/4/1999 thì mới kết thúc việc công khai, trong thời gian niêm yết hồ sơ phần

đất ông M kê khai không có ai tranh chấp khiếu nại gì. Theo quy định của pháp luật về đất đai và thực tế ông Phạm Văn Q không có các loại giấy tờ theo quy định tại điều 50 Luật đất đai năm 2003 và Điều 100 Luật đất đai năm 2013, đồng thời chưa được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất nên việc chuyển quyền sử dụng đất không được pháp luật công nhận.

Ngày 08/6/1999 ông M được UBND huyện L, tỉnh Hòa Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 2.168m^2, gồm các thửa: Thửa 240, diện tích: 976m^2,thửa 273: Diện tích: 1.104m^2 và thửa đất 173, diện tích 88m^2 theo đúng như đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất năm 1998 ông M đề nghị. Cùng thời điểm này ông Phạm Văn Q cũng được UBND huyện L cấp quyền sử dụng đất đối với các thửa đất mà ông Q đã kê khai, cụ thể là: Thửa 239 diện tích 1680m^2; thửa 275 diện tích 560m^2; thửa 274 diện tích 274m^2.

Cấp sơ thẩm xem xét là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, nội dung kháng này của ông Q không có cơ sở chấp nhận.

1.2. Ông Q kháng cáo cho rằng việc chuyển nhượng đất giữa ông và ông M được thực hiện từ năm 1996, do ông M không thanh toán tiền chuyển nhượng theo thỏa thuận nên đây là giao dịch vô hiệu. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận việc chuyển nhượng và yêu cầu ông phải trả lại đất cho ông M là không có căn cứ.

Tài sản 03 thửa đất tranh chấp gồm: Thửa 240, diện tích: 976m^2,Thửa 273: Diện tích 1.104m^2 có nguồn gốc là do ông M mua của ông Q đã bán diện tích này cho ông M từ năm 1996, ông M chưa trả tiền mua đất và thửa đất 173, diện tích 88m^2 là do ông M khai hoang. Thực tế việc chuyển nhượng là công khai hoang phục hóa, chăm sóc tôn tạo giá trị đất. Các thửa đất này ông M là người kê khai, xin cấp giấy CNQSDĐ và thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước, nộp thuế đất hàng năm và được nhà nước cấp GCNQSDĐ từ năm 1999, do vậy ông M có quyền sử dụng đất hợp pháp đối với các thửa đất tranh chấp trên. Việc ông Q kháng cáo cho rằng ông M mua đất của ông chưa trả tiền nên quyền sử dụng các thửa đất trên vẫn thuộc về ông Q là không có cơ sở chấp nhận.

1.3. Ông Q kháng cáo cho rằng năm 2004, trong biên bản đối chất ông có đơn yêu cầu phản tố về việc xem xét lại nguồn gốc đất tranh chấp và đề nghị hủy Giấy CNQSD đất của ông M do kê khai không đúng.

Thấy rằng, năm 1998 ông M đã kê khai xin cấp chứng nhận quyền sử dụng đất của toàn bộ 3 thửa đất trên. Hội đồng đăng ký đất xã L tiến hành thẩm tra theo đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ông M đã kê khai. Ông Q cũng thừa nhận và là người trực tiếp cùng với đoàn thẩm tra xác định vị trí, gianh giới đất thay cho ông M. Tại phiên tòa phúc thẩm ông chỉ thừa nhận đã đi cùng đoàn xác định mốc giới các thửa đất nhà ông, và phần diện tích thửa

240 để xem xét dự định bán cho ông Phạm văn M. Trước đó, vào năm 1997 ông Q cũng đã kê khai xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ với phần đất của mình. Do vậy ngày 24/3/1999 Hội đồng đăng ký đất xã L đã tiến hành niêm yết công khai hồ sơ đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ gia đình, trong đó có hộ gia đình ông Q và ông M. Đến ngày 10/4/1999 thì mới kết thúc việc công khai, trong thời gian niêm yết hồ sơ phần đất ông M kê khai không có ai tranh chấp khiếu nại gì, bản thân ông Q cũng không có ý kiến. Mặt khác khi Nhà nước xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguồn gốc thửa đất này đang do Nhà nước quản lý, chưa cấp quyền sử dụng đất cho tổ chức hoặc cá nhân nào, quyền lợi của các đương sự không bị xâm phạm. Do vậy, ông đề nghị hủy Giấy CNQSD đất của ông M là không có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn nêu: Tòa án nhân dân huyện L trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án có quá nhiều vi phạm thủ tụng tố tụng, từ khi thụ lý qua rất nhiều Thẩm phán giải quyết, nhưng trong hồ sơ không có quyết định phân công hoặc thay đổi Thẩm phán. Nội dung đơn không phải là đơn khởi kiện mà là đơn đề nghị, song Tòa án sơ thẩm vẫn thụ lý, tiếp đó nguyên đơn có bổ sung đơn khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm không ra thông báo thụ lý, thông báo nộp tiền tạm ứng án phí sai tên người phải nộp, không xác định tài sản tranh chấp có giá ngạch và xác định sai tư cách tố tụng, mặt khác ông M khai đất do khai hoang không đúng, thực tế nguồn gốc sử dụng đất của ông Phạm Văn Q là mua lại của những người khác và đã sử dụng từ lâu. Từ đó luật sư đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, do sự kiện khách quan, Thẩm phán được giao giải quyết vụ án, chủ tọa phiên tòa bị tai nạn, Chánh án giao cho Thẩm phán khác tiếp tục giải quyết, sau đó do Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, được điều động luân chuyển biệt phái đến đơn vị khác, sau đó Thẩm phán giải quyết lúc đầu tiếp tục giải quyết. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự có đơn đề nghị tạm đình chỉ giải quyết vụ án nhiều lần, sau đó lại có đơn đề nghị tiếp tục giải quyết, do đó vụ án bị kéo dài, đến nay mới được giải quyết.

Các ý kiến Luật sư đưa ra đã được Hội đồng xét xử phân tích đánh giá là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Tài sản tranh chấp là 03 thửa đất gồm thửa 240, thửa 273, thửa 173, tờ bản đồ 119D được định giá cụ thể. Tại biên bản định giá số 01 ngày 12/7/2017 Hội đồng định giá kết luận, tổng giá trị là 746.080.000 đồng. Do yêu cầu của ông Phạm Văn M được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ông Phạm Văn Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch trên tổng giá trị tài sản tranh chấp.

Việc giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã xem xét, đầy đủ tài liệu chứng cứ và quyết định là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, ông Q không

đưa ra được căn cứ nào khác để chứng M cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó kháng cáo của ông Phạm Văn Q không có cơ sở để chấp nhận.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình. Bác kháng cáo của bị đơn, sửa phần án phí của bản án sơ thẩm là phù hợp.

Cấp sơ thẩm có sai sót về phần tính án phí. Do đó cần sửa án sơ thẩm về phần án phí.

Ông Phạm Văn Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308; điều 309 Bộ luật tố tụng Dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn Q, sửa bản án sơ thẩm số 03/2017/DS-ST, ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình, cụ thể:

Áp dụng khoản 9 điều 26, khoản 1 điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 224 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Luật đất dai năm 2013, Điều 255; 259 Bộ luật dân sự năm 2005, điều 7, điều 11 Nghị định 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ về án phí, lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn M. Buộc ông Phạm Văn Q phải trả lại 03 thửa đất gồm thửa 240, diện tích: 976m^2 (Trong đó 400m^2 đất ở và 576m^2 đất vườn), thửa 273, diện tích: 1.104m^2 đất vườn và thửa 173 diện tích đất: 88m^2 đất vườn tờ bản đồ 119D tại xóm L, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình cho ông Phạm Văn M.

2. Về tài sản trên đất: Buộc ông Phạm Văn Q phải tháo dỡ tường bao và di dời toàn bộ cây cối trên thửa đất 240 của ông Phạm Văn M để trả lại đất cho ông Phạm Văn M.

3. Đình chỉ các yêu cầu của nguyên đơn Phạm Văn M về yêu cầu ông Q phải bồi thường cấy cối hoa màu trên thửa đất 240 do ông Q chặt phá gây thiệt hại số tiền là 33.400.000đồng; Yêu cầu giải quyết đường đi; Yêu câu tháo dỡ nhà làm trên đất chắn trên đất đường đi; Yêu cầu phải san lấp trả lại mặt bằng diện tích thửa đất 273 và 240 do ông Q gây ra.

4. Về án phí: Ông Phạm Văn Q phải nộp 37.304.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được hoàn lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0002288 ngày 31/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Trả lại ông Phạm Văn M 50.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số số 900335 ngày 08/4/2004 và 16.800.000 đồng, theo biên lai số 0002186 ngày 14/3/2017 của Chi cục THADS huyện L.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Viết Lực **Nguyễn Mạnh Hùng** **Nguyễn Thị Dụ**

Từ các phân tích nêu trên, căn cứ các điều 166 Luật đất đai năm 2013, điều 255; điều 259 Bộ luật dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn M là có cơ sở chấp nhận, cần buộc ông Phạm Văn Q Q phải trả lại 03 thửa đất gồm:Thửa 240,diện tích: 976m2,Thửa 273:Diện tích: 1.104m2 và thửa đất 173, diện tích 88m2 trên cho ông Phạm Văn M.